

MỤC LỤC

1. PHẦN MỞ ĐẦU	1
2. NỘI DUNG	3
2.1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến năm 2025	3
2.2. Đánh giá thực trạng:	3
2.2.1. Kết quả đạt được:	3
2.2.2. Những mặt còn hạn chế:	3
2.2.3. Nguyên nhân đạt được và nguyên nhân hạn chế:	4
3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	5
3.1. Cơ sở lý luận	5
3.2. Cơ sở thực tiễn	6
3.3. Nội dung, phương pháp và giải pháp thực hiện	7
3.3.1. Vai trò của BĐTD trong dạy - học	7
3.3.2. Lợi ích đem lại của bản đồ tư duy:	7
3.3.3. Các bước vẽ BĐTD	8
3.3.4. Một số lưu ý khi sử dụng BĐTD trong dạy học	9
3.3.5. Vận dụng BĐTD vào thực tế giảng dạy môn KHTN 6 – Phần Sinh học.	9
3.3.5.1. Lập bản đồ tư duy trong việc kiểm tra kiến thức đã học:	9
3.3.5.2. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy kiến thức mới:	10
3.3.5.3. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy tiết thực hành:	11
3.3.5.4. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy củng cố kiến thức:	12
3.3.5.5. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy tiết tổng kết ôn tập kiến thức:	12
3.3.5.6. Một Kế hoạch bài dạy có áp dụng BĐTD	13
4. KẾT LUẬN	25
4.1. Kết quả đạt được	25
4.2. Bài học kinh nghiệm	26
4.3. Thời gian thực hiện và phạm vi áp dụng	26
4.4. Kết luận	26
TÀI LIỆU THAM KHẢO	28

1. PHẦN MỞ ĐẦU

Cùng với việc đổi mới mục tiêu và nội dung dạy học, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học theo triết lý lấy người học làm trung tâm được đặt ra một cách bức thiết. Bản chất của dạy học lấy người học làm trung tâm là phát huy cao độ tính tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo của người học. Người học là chủ thể hoạt động chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ.

Trong thực tế hiện nay, nhiều học sinh chưa biết cách học, mà chỉ học thuộc lòng, học vẹt, thuộc một cách máy móc, thuộc nhưng không nhớ được kiến thức trọng tâm, hoặc không biết liên tưởng, liên kết các kiến thức có liên quan với nhau.

Với đặc trưng riêng của phân môn Sinh học: phân môn học nghiên cứu đối tượng sống bao gồm: nghiên cứu các đặc điểm cấu tạo, các quá trình sinh lí, hóa sinh, các mối quan hệ giữa các tổ chức sống với nhau và với môi trường, sự vận động của thế giới sống qua không gian và thời gian, thì phương pháp chuyển tải bằng sơ đồ thường mang lại hiệu quả cao.

Trong giảng dạy GV cũng đã lập bảng biểu, vẽ sơ đồ, biểu đồ,... và cả lớp có chung cách trình bày giống như cách của GV, chứ không phải do HS tự xây dựng theo cách hiểu của mình, hơn nữa, các bảng biểu đó chưa chú ý đến hình ảnh, màu sắc và đường nét.

Một số kết quả nghiên cứu cho thấy bộ não của con người sẽ hiểu sâu, nhớ lâu và in đậm cái mà do chính mình tự suy nghĩ, tự viết, vẽ ra theo ngôn ngữ của mình. Vì vậy việc sử dụng bản đồ tư duy (BĐTD) trong dạy - học sẽ dần hình thành cho HS tư duy mạch lạc, hiểu biết vấn đề một cách sâu sắc, có cách nhìn vấn đề một cách hệ thống, khoa học, tất cả HS tham gia xây dựng bài một cách hào hứng, giúp học sinh học tập một cách chủ động, tích cực, huy động tối đa tiềm năng của bộ não, ...

Việc ứng dụng BĐTD kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực khác như vấn đáp gợi mở, thuyết trình, hoạt động nhóm... có tính khả thi cao góp phần đổi mới PPDH.

Mặt khác đổi mới phương pháp dạy và học xưa nay thường gắn nhiều với khoa học công nghệ, đòi hỏi hạ tầng cơ sở vật chất tốt. Những điều kiện này lại thường khó thực hiện ở vùng sâu vùng xa, nơi kinh tế còn nhiều khó khăn. Với BĐTD, nhiều trường học ở các tỉnh vùng sâu, vùng cao vẫn có thể áp dụng một cách dễ dàng.

Với những lý do trên tôi chọn xây dựng sáng kiến **“Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học KHTN 6 – Phần sinh học”**

2. NỘI DUNG

2.1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến năm 2025

2.2. Đánh giá thực trạng:

2.2.1. Kết quả đạt được:

Khi chưa áp dụng sáng kiến kinh nghiệm thì đa phần học sinh rất khó khăn trong việc sử dụng BĐTD trong việc kiểm tra kiến thức cũ, hình thành kiến thức mới, củng cố, ôn tập kiến thức đã học.....

Trong quá trình giảng dạy phân môn Sinh học 6, tôi đã nhiệt tình trong việc định hướng học sinh tiếp nhận kiến thức, song việc học thụ động của học sinh vẫn tiếp diễn. Có học sinh học tập cần cù chịu khó học thuộc từng câu từng chữ; có em chưa hiểu hết bài học nên dẫn đến học vẹt. Bên cạnh đó là học sinh rất lười học bài, giáo viên đã nhiều lần kiểm tra nhưng tỷ lệ học sinh điểm dưới trung bình còn cao, học sinh điểm khá và giỏi chiếm tỉ lệ thấp.

Số liệu thống kê khảo sát đầu HKI – Năm học 2023-2024:

Lớp	Sĩ số	Giỏi		Khá		Tb		Yếu	
6C	38	6	15,8%	6	15,8%	23	60,5%	3	7,9%
6D	39	7	17,9%	7	17,9%	22	56,5%	3	7,7%

Như vậy, qua khảo sát tôi thấy trình độ học tập của 2 lớp là tương đương nhau. Sáng kiến này tôi sẽ lấy lớp 6D làm lớp thực nghiệm, còn lớp 6C không áp dụng sáng kiến.

2.2.2. Những mặt còn hạn chế:

Hạn chế đầu tiên đó là đối với những học sinh có lối suy nghĩ rất logic thì có thể sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì với học sinh có lối suy nghĩ như vậy thì hầu như các em sẽ rất khó để tin vào những mặt trực quan.

Thứ hai, việc học sinh tóm tắt nội dung kiến thức, sau đó phân chia chúng thành các bậc khác nhau để xây dựng 1 bản đồ tư duy hoàn chỉnh rất khó khăn.

2.2.3. Nguyên nhân đạt được và nguyên nhân hạn chế:

Những kết quả có được qua phần khảo sát, thì phần lớn nằm ở các em học sinh giỏi đều ở các môn; có ý thức tự học tốt, tham khảo nhiều sách ở thư viện hoặc tìm hiểu các bài dạy của giáo viên trên YouTube.

Để có thể hiểu được sự đóng góp tích cực mà BĐTD mang lại là vô cùng quan trọng. BĐTD cung cấp thông tin và cấu trúc tự giải thích có thể hiểu rõ nhất bởi người tạo ra nó. Chính vì vậy, sẽ khó khăn với những người không chứng kiến hiệu quả hoàn toàn với BĐTD.

3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Cơ sở lý luận

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”; “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội”.

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, Điều 7 qui định:

Nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học.

Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.

Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI nêu rõ “Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội”.

Nghị quyết số 44/NQ-CP, ngày 09/6/2014 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế xác định “Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực của người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển”...

Tác giả Tony Buzan - người Anh là người đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu tìm ra hoạt động của bộ não, là người đầu tiên sáng lập ra bản đồ tư duy. Theo Tony Buzan *“một hình ảnh có giá trị hơn cả ngàn từ”* và *“màu sắc cũng có tác dụng kích thích não như hình ảnh. Màu sắc mang đến cho bản đồ tư duy những rung động cộng hưởng, mang lại sức sống và năng lượng vô tận cho tư duy sáng tạo”*.

Hình thành và phát triển tính tích cực thông qua phương pháp dạy học sử dụng BĐTD kết hợp hoạt động nhóm trong học tập là một trong những phương pháp dạy học tích cực, nhằm tạo ra con người năng động, thích ứng và góp phần phát triển cộng đồng.

Những quan điểm, định hướng nêu trên tạo tiền đề, cơ sở và môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đổi mới giáo dục phổ thông nói chung, đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực người học.

3.2. Cơ sở thực tiễn

Là một giáo viên trực tiếp giảng dạy bộ môn sinh học nhiều năm liền, tôi nhận thấy rất nhiều học sinh chưa biết cách học, cách ghi nhận kiến thức vào bộ não mà chỉ học thuộc một cách máy móc, không nhớ kiến thức trọng tâm, không nắm được kiến thức cốt lõi của vấn đề mà mình đang nghiên cứu, tìm tòi. Thậm chí có nhiều em không hiểu mình đang tìm hiểu vấn đề gì, kiến thức gì, chưa biết hệ thống hóa kiến thức, liên kết các kiến thức có liên quan với nhau. Sử dụng bản đồ tư duy kết hợp hoạt động nhóm sẽ phát huy tối đa tiềm năng ghi nhớ của bộ não, các em có thể vừa học vừa chơi học ở mọi lúc mọi nơi mà vẫn nắm được kiến thức nhanh và nhớ lâu.

3.3. Nội dung, phương pháp và giải pháp thực hiện

3.3.1. Vai trò của BĐTD trong dạy - học

Bản đồ tư duy (BĐTD) còn gọi là BĐTD, lược đồ tư duy,... là hình thức ghi chép nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa một chủ đề hay một mạch kiến thức,... bằng cách kết hợp việc sử dụng đồng thời *hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết với sự tư duy tích cực*. Đặc biệt đây là một sơ đồ mở, không yêu cầu tỉ lệ, chi tiết khắt khe như bản đồ địa lý, có thể vẽ thêm hoặc bớt các nhánh, mỗi người vẽ một kiểu khác nhau, dùng màu sắc, hình ảnh, các cụm từ diễn đạt khác nhau, cùng một chủ đề nhưng mỗi người có thể “thể hiện” nó dưới dạng BĐTD theo một cách riêng, do đó việc lập BĐTD phát huy được tối đa năng lực sáng tạo của mỗi người.

BĐTD chú trọng tới *hình ảnh, màu sắc*, với các mạng lưới *liên tưởng* (các nhánh). *Điểm mạnh của BĐTD là phát triển ý tưởng*. Có thể vận dụng BĐTD vào hỗ trợ dạy học kiến thức mới, củng cố kiến thức sau mỗi tiết học, ôn tập hệ thống hóa kiến thức sau mỗi chương, mỗi học kì... và giúp cán bộ quản lý giáo dục lập kế hoạch công tác.

3.3.2. Lợi ích đem lại của bản đồ tư duy:

BĐTD có nhiều lợi ích trong việc phát triển tư duy cho người học, đặc biệt là trẻ nhỏ đang trong giai đoạn phát triển đỉnh cao của não bộ, khoảng từ 4 đến 14 tuổi. Theo đó, mindmap mang đến nhiều lợi ích:

- **Liên kết kiến thức:** BĐTD sẽ giúp các em liên kết kiến thức có liên quan thành một khung kiến thức chung, dễ học, dễ nhớ. Cụ thể, các kiến thức trọng tâm sẽ được phân thành các nhánh nhỏ cụ thể với những từ khóa tương ứng, kết hợp với hình ảnh, màu sắc phù hợp. Chuỗi kiến thức này có quan hệ liên kết và bổ sung cho nhau.

- **Bao quát toàn bộ kiến thức:** Khi tóm tắt kiến thức bằng BĐTD, các em học sinh sẽ có cái nhìn tổng quan về mọi vấn đề, mọi thông tin để giải mã và tư duy não bộ. Từ đó, các em sẽ có cái nhìn toàn bộ, bao quát, hiểu được các mối liên hệ của bài học.

- **Phát huy khả năng sáng tạo:** Thực tế, não trái của con người là để tư duy hình ảnh, não phải để phân tích thông tin qua hình ảnh. Nhờ vào BĐTD, người học có thể tận dụng được hết chức năng của não trái và não phải. Nói cách khác, người học sẽ vận dụng khả năng tư duy, sáng tạo để phân tích cụ thể nhất một vấn đề chính nào đó qua ngôn từ, hình ảnh, màu sắc.

- **Ghi nhớ:** Chính nhờ đưa ra được kiến thức trọng tâm cùng những phân nhánh kiến thức có liên quan bằng các từ khóa, hình ảnh, người học hay cụ thể là trẻ có thể dễ dàng ghi nhớ kiến thức. Các em sẽ ghi nhớ thông tin trong não bộ và tránh được tình trạng “học vẹt”.

- **Cải thiện thời gian học:** Có thể thấy rằng, sử dụng mindmap các em sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian học. Nếu như thực tế hàng ngày các em phải lĩnh hội nhiều kiến thức và lượng kiến thức mỗi ngày một tăng thì việc học thuộc hay nhớ hết mọi vấn đề quá khó. Nhờ BĐTD, các em đã có thể đơn giản, rút ngắn những khung kiến thức dài. Chính vì vậy, việc học và nhớ trở nên dễ dàng hơn và từ đó cải thiện được thời gian học hàng ngày.

3.3.3. Các bước vẽ BĐTD

Cách vẽ BĐTD (mindmap) được thực hiện qua 4 bước chính sau:

Bước 1: Xác định chủ đề chính ở trung tâm

Trong muôn vàn những kiến thức phức tạp, khó nhớ, các em hãy suy nghĩ và tìm ra vấn đề trọng tâm, chủ đạo và bao quát nhất để ở trung tâm của BĐTD.

Bước 2: Vẽ các tiêu đề phụ

Sau bước thứ nhất xác định được chủ đề chính ở trung tâm, hãy đi đến vẽ các tiêu đề phụ bằng các nhánh nhỏ nối từ chủ đề chính. Hãy lưu ý các tiêu đề phụ chính là những ý triển khai nhỏ, chủ đề nhỏ của chủ đề trung tâm. Chính vì vậy, các tiêu đề phụ phải là những thông tin có liên quan xung quanh đến chủ đề chính.

Chú ý những nhánh này là những kiến thức cùng cấp và liên quan trực tiếp đến chủ đề mà ta đã xác định ở Bước 1.

Bước 3: Vẽ thêm các nhánh cấp 2, 3

Thực hiện xong bước thứ hai vẽ các tiêu đề phụ, tiếp theo hãy vẽ thêm các nhánh cấp 2, 3 từ tiêu đề phụ nối ra. Điều đó có nghĩa là, các nhánh cấp 2, 3 sẽ là các nhánh nhỏ hơn, bắt nguồn từ tiêu đề phụ. Theo đó, các nhánh cấp 2, 3 cũng có nội dung liên quan đến tiêu đề phụ và chủ đề chính ở trung tâm.

(Nghĩa là các nhánh cấp 2, 3 Thì kiến thức càng chi tiết hơn)

Bước 4: Thêm hình minh họa

Đề BĐTD dễ nhìn và dễ nhớ, người học nên thêm hình minh họa kết hợp với màu sắc phù hợp vào chủ đề chủ đề trung tâm, các nhánh tiêu đề phụ và các nhánh cấp 2, 3...Điều này sẽ giúp các em có hứng thú học và dễ nhớ hơn vì màu sắc và hình ảnh bao giờ cũng kích thích thị giác và não bộ.

Đây là 4 bước cơ bản để xây dựng được một BĐTD với nhiều chủ đề khác nhau. Các em có thể áp dụng để học phát triển tư duy bằng mindmap ở tất cả các môn học. Các em có thể tham khảo BĐTD sau để dễ hiểu hơn.

3.3.4. Một số lưu ý khi sử dụng BĐTD trong dạy học

3.3.4.1. Khi vẽ chúng ta cần chú ý:

- Màu chữ cùng màu nhánh để dễ phân biệt.
- Các nhánh cùng cấp nên để cùng màu.
- Nên dùng các đường cong để tạo sinh động.
- Bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm sao cho cân đối.
- Chỉnh sửa, thêm bớt thông tin, thêm bớt nhánh, điều chỉnh sao cho hình thức đẹp, chữ viết rõ (trên phần mềm). Nếu vẽ trên giấy, bìa thì nên vẽ phác bằng bút chì trước để có thể tẩy, xóa, điều chỉnh được.

3.3.4.2. Những điều cần tránh khi ghi chép:

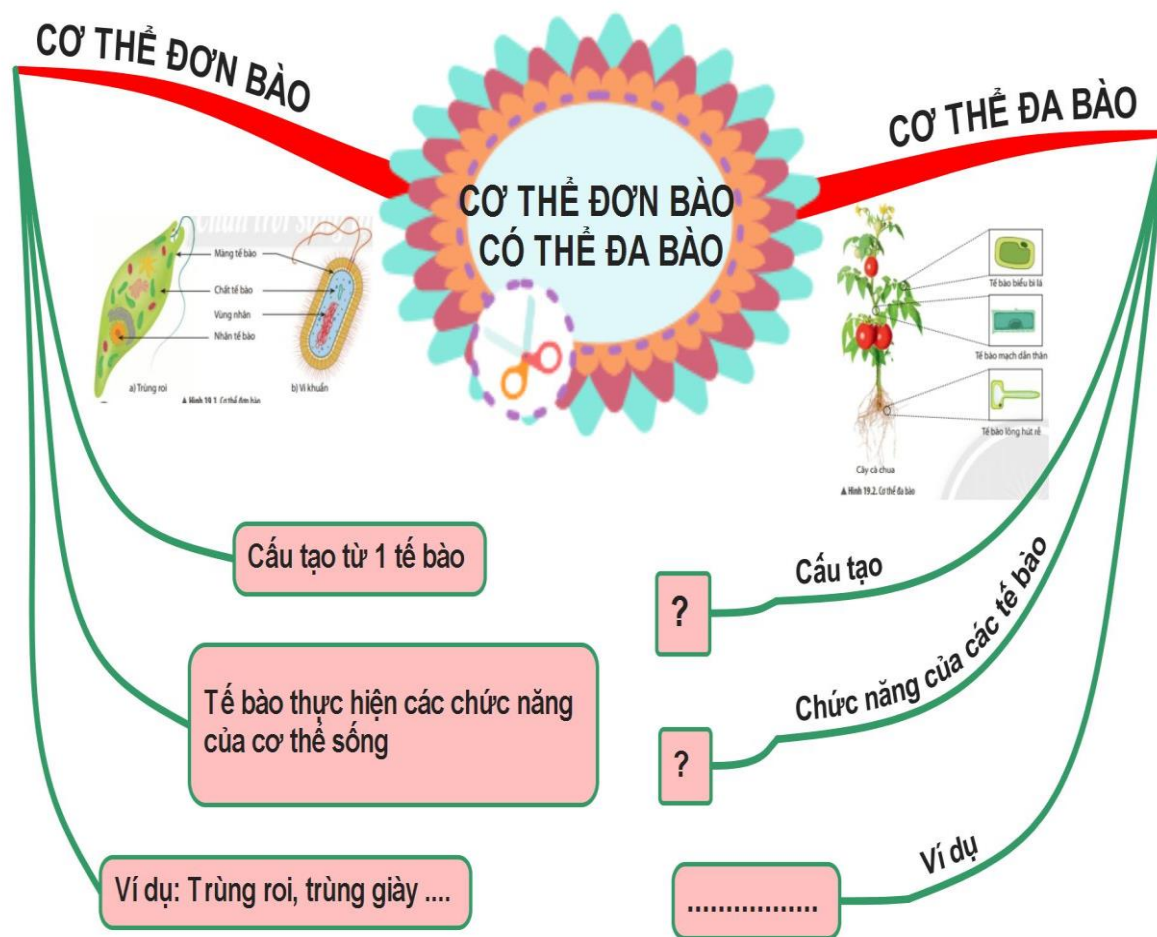
- Ghi lại nguyên cả đoạn văn dài.
- Ghi chép quá nhiều ý không cần thiết.
- Chỉ nên vẽ hình ảnh có liên quan đến chủ đề.
- Chọn lọc những ý cơ bản, kiến thức cần thiết.

3.3.5. Vận dụng BĐTD vào thực tế giảng dạy môn KHTN 6 – Phần Sinh học.

3.3.5.1. Lập bản đồ tư duy trong việc kiểm tra kiến thức đã học:

Sử dụng bản đồ tư duy vừa giúp giáo viên kiểm tra được phần nhớ lẫn phần hiểu của học sinh đối với bài học cũ. Các bản đồ tư duy thường được giáo viên sử dụng ở dạng thiếu thông tin, yêu cầu học sinh điền các thông tin còn thiếu và rút ra nhận xét về mối quan hệ của các nhánh thông tin với từ khóa trung tâm.

Ví dụ 1: Trước khi học **Bài 20 “Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào”**; GV có thể sử dụng BĐTD để kiểm tra lại **Bài 19 “Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào”**



3.3.5.2. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy kiến thức mới:

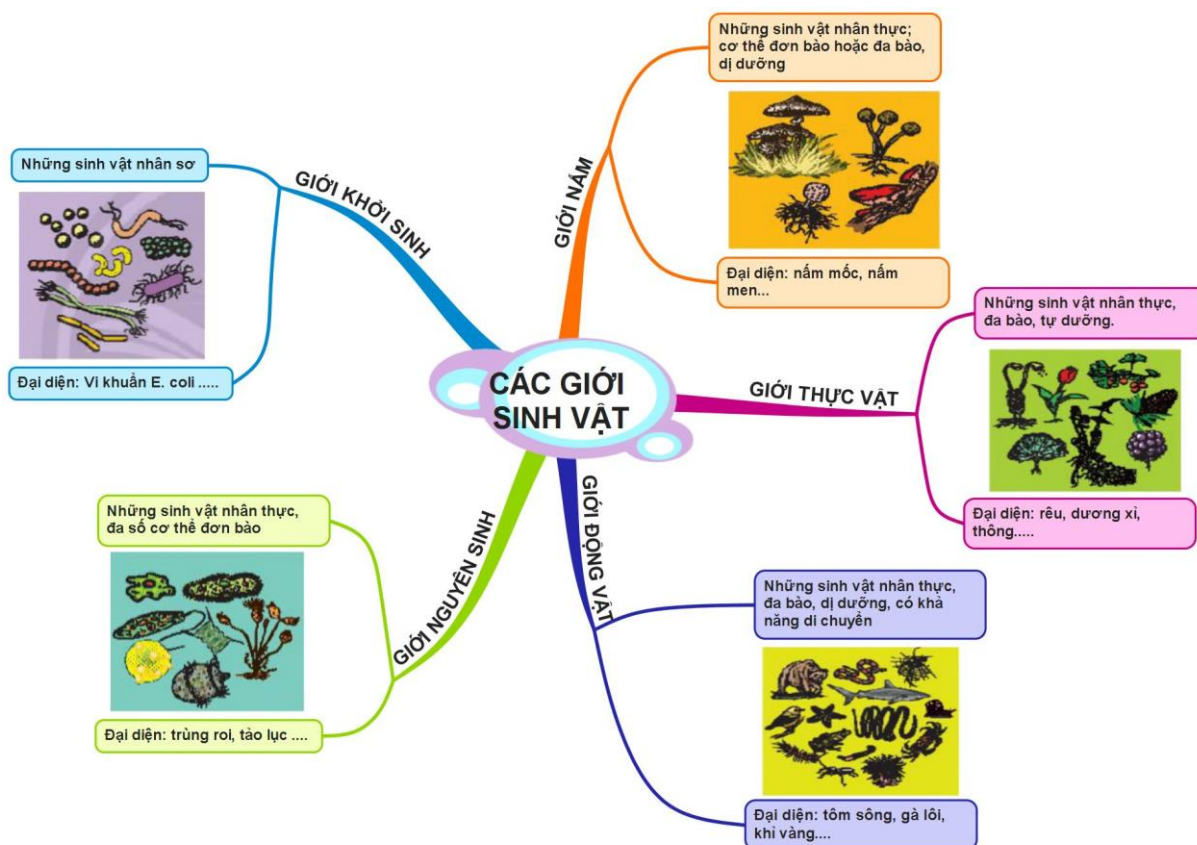
Giáo viên có thể tổ chức:

- Hoạt động nhóm (GV sẽ là người cố vấn, là trọng tài giúp HS hoàn chỉnh BĐTD từ đó dẫn dắt đến kiến thức trọng tâm của bài học).
- Cho HS lên trình bày, thuyết minh thông qua một BĐTD do GV đã chuẩn bị sẵn (vẽ ở bảng phụ hoặc ở bìa), hoặc BĐTD mà các em vừa thiết kế và cả lớp đã chỉnh sửa, hoàn thiện.

GV có thể giới thiệu BĐTD là một sơ đồ mở nên không yêu cầu tất cả các nhóm HS có chung 1 kiểu BĐTD, GV chỉ nên chỉnh sửa cho HS về mặt kiến thức và góp ý thêm về đường nét vẽ và hình thức (nếu cần).

* Dạy một nội dung kiến thức của bài

Ví dụ: Khi dạy Bài 22 “**Phân loại thế giới sống**” dựa vào hình 25.5 và đọc thông tin trang 104 sách giáo khoa; yêu cầu học sinh hoạt động nhóm lập BĐTD (sơ đồ minh họa)

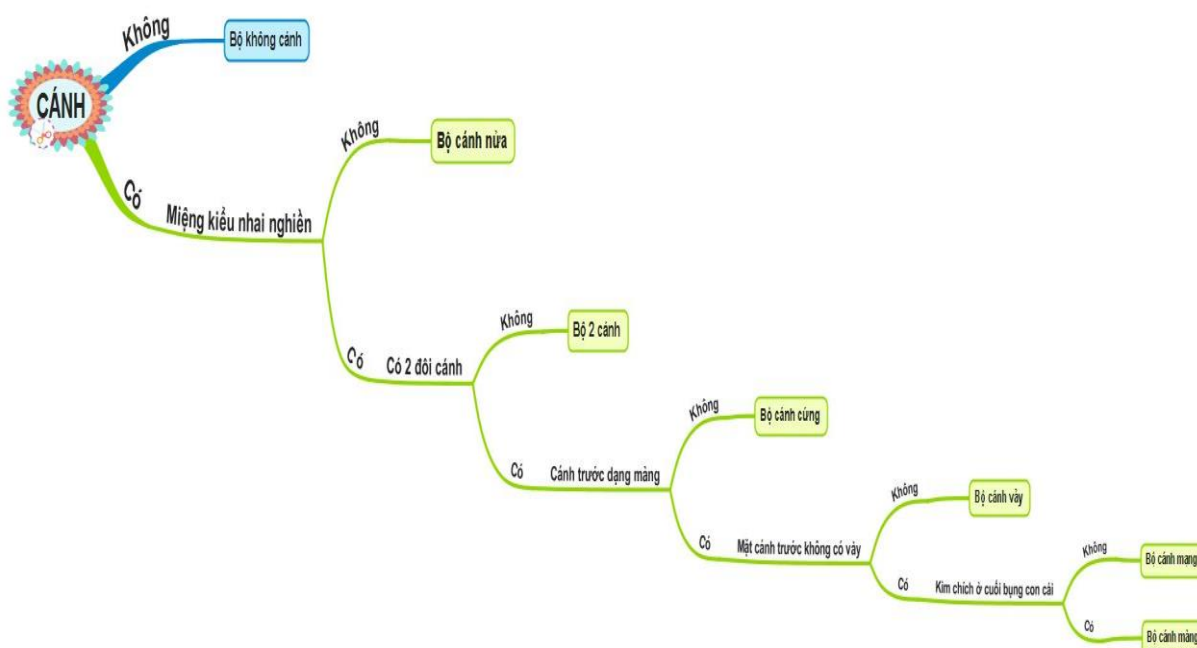


3.3.5.3. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy tiết thực hành:

BĐTD cũng được sử dụng rộng rãi trong các tiết thực hành.

Ví dụ: Khi dạy **Bài 23 “Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân**

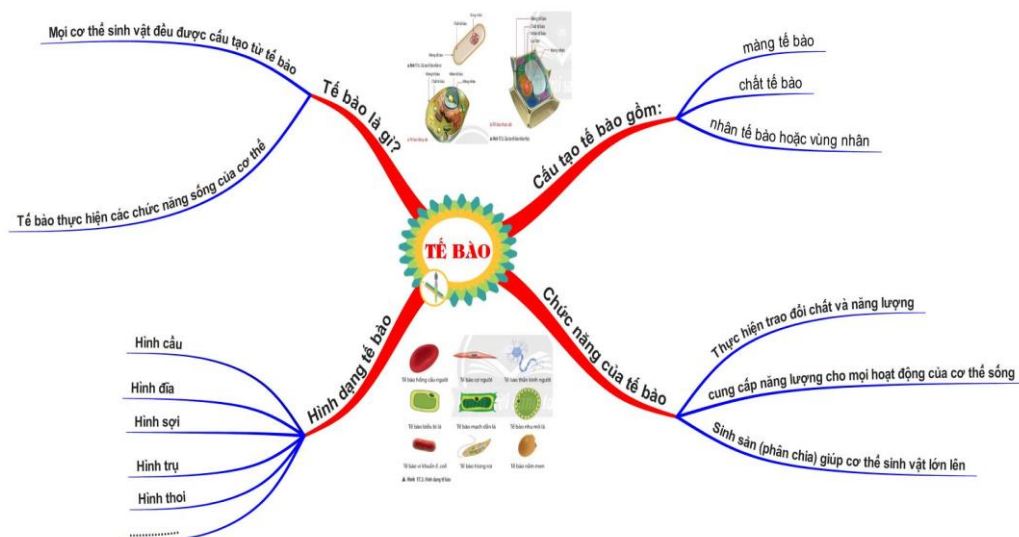
GV có thể yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ khóa lưỡng phân dưới dạng BĐTD; dạng này cũng có thể áp dụng cho bài thực hành phân loại thực vật.



3.3.5.4. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy củng cố kiến thức:

Có thể sử dụng BĐTD củng cố một nội dung của bài học hoặc củng cố cả bài. Việc tổng kết bài hay nội dung bài rất phổ biến, dễ vận dụng; hầu hết các bài có thể áp dụng được BĐTD.

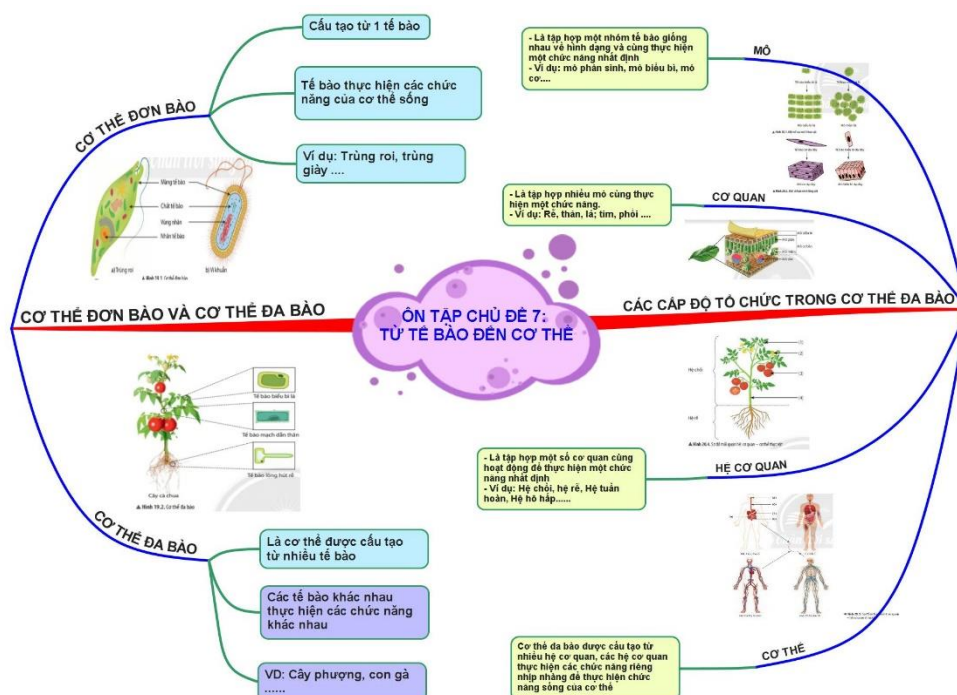
Ví dụ: Dùng BĐTD để khái quát bài 17 “Tế bào”



3.3.5.5. Lập bản đồ tư duy trong việc dạy tiết tổng kết ôn tập kiến thức:

Có thể sử dụng BĐTD củng cố một nội dung của một phần chương hay 1 chương.

Sau đây là một ví dụ về **ôn tập chủ đề 7: Từ tế bào đến cơ thể**



BÀI 20: CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC TRONG CƠ THỂ ĐA BÀO

Môn học: KHTN 6 – Lớp: 6C

Ngày soạn: 26/10/2023 – Tiết: 23+24

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. Mục tiêu

Qua bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Trình bày được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể.
- Nêu được khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy ví dụ minh họa.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Rèn luyện năng lực hợp tác và giao tiếp thông qua trò chơi khởi động, các hoạt động thảo luận nhóm phân loại tế bào, mô, hoạt động nhóm tìm hiểu mối quan hệ giữa cơ quan và cơ thể.
- Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động trải nghiệm, hoạt động nhóm, luyện tập và vận dụng như tu duy đưa ra các câu hỏi giải đáp mối quan hệ tế bào – mô – cơ quan – cơ thể, thiết kế sơ đồ các cấp tổ chức của cơ thể đa bào.
- Vẽ được các BĐTD để khái quát các nội dung kiến thức đã học.

2.2. Năng lực chuyên biệt

- NL nhận thức sinh học: gọi tên các cấp tổ chức sống của cơ thể đa bào, vẽ được cấu tạo cơ thể đa bào, sử dụng thuật ngữ sinh học để mô tả cấu tạo cơ thể đa bào.
- NL tìm hiểu thế giới sống: Thiết kế sơ đồ về các cấp tổ chức của cơ thể đa bào bất kì và báo cáo trước lớp.
- NL vận dụng kiến thức đã học: HS giải thích được tại sao các sinh vật đa bào thường có kích thước lớn, sống ở nhiều môi trường.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Sưu tầm các mẫu vật về các bộ phận của thực vật theo hướng dẫn của giáo viên, tìm hiểu kiến thức về cấu tạo các sinh vật sống, vẽ BĐTD tích cực....
- Trung thực: thực hiện các nội dung bài học và báo cáo kết quả chính xác.
- Trách nhiệm: Có ý thức và hoàn thành công việc được phân công.
- Tôn trọng: Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- Đoạn phim về sự đa dạng giới sinh vật.
- Các PHT; giấy; bút dạ.
- Mô hình, tranh ảnh mô phỏng cấu tạo cơ thể đa bào.

2. Học sinh

- Sưu tầm các mẫu vật thật về các cấp tổ chức sống của cơ thể đa bào.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động tạo hứng thú tìm hiểu bài học

a) **Mục tiêu:** HS phân loại các sinh theo 2 cấp độ: đơn bào và đa bào.

b) **Nội dung:** HS xem phim về sự đa dạng sinh vật và ghi tên những sinh vật theo cột tương ứng trong PHT số 1.

c) **Sản phẩm:** PHT số 1 “ tên những sinh vật theo 2 cấp độ: đơn bào và đa bào”

Sinh vật đơn bào	Sinh vật đa bào

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phổ biến thể lệ chơi:

Chia lớp thành 2 đội và 2 HS làm thư kí. Mỗi đội được cấp 1 PHT số 1. Các đội xem phim về sự đa dạng sinh vật và ghi tên những sinh vật theo cột tương ứng trong PHT số 1. Đội nào hoàn thành chính xác và nhanh nhất sẽ chiến thắng.

- HS lập đội và học luật chơi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời nhóm trưởng báo cáo sơ đồ của nhóm mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV và thư kí quan sát, đánh giá kết quả của 2 đội chơi.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về cấp tổ chức từ tế bào đến mô.

a) Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm về mô và lấy ví dụ.

b) Nội dung: Quan sát hình ảnh và nêu mối quan hệ giữa tế bào và mô. Từ đó, đưa ra khái niệm về mô.

c) Sản phẩm: trả lời các câu hỏi GV đưa ra, từ đó nêu khái niệm về mô.

1. các mô được cấu tạo từ tế bào.

2. Các tế bào cấu tạo nên mỗi mô có hình dạng, kích thước, cấu tạo giống nhau.

=> Mô là tập hợp các tế bào giống nhau cùng thực hiện 1 chức năng nhất định.

VD: Thực vật (mô biểu bì lá, nhu mô, ...), động vật (mô cơ, mô thần kinh, ...)

Tế bào	Mô
Tế bào cơ trơn dẹt dài	Mô cơ trơn
Tế bào biểu bì dẹt dài	Mô biểu bì dẹt dài
Tế bào nhu mô lá	Nhu mô
Tế bào biểu bì lá	Mô biểu bì lá

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

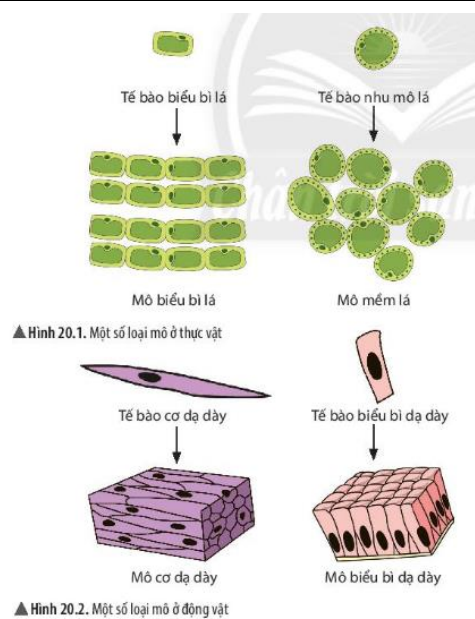
- GV Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

Quan sát hình 20.1 và trả lời câu hỏi sau:

1. Hãy cho biết mối quan hệ giữa tế bào và mô.
2. Cho biết các tế bào cấu tạo nên mỗi loại mô có đặc điểm gì?
3. Em hãy dự đoán xem chức năng của các tế bào trong một mô như thế nào?

Quan sát hình 20.2, thảo luận nhóm và hoàn thành bảng sau:

Tế bào	Mô
Tế bào cơ trơn dạ dày	?
?	Mô biểu bì dạ dày
Tế bào nhu mô lá	?
Tế bào biểu bì lá	?



- HS nhận nhiệm vụ học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát và suy luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời đại diện HS trình bày sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.

- Học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.

- Giáo viên đánh giá hoạt động học tập của học sinh

Sản phẩm dự kiến của HS:

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về cấp tổ chức từ mô đến cơ quan.

a) Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm về cơ quan và lấy ví dụ.
- HS vẽ được BĐTD khái quát các mô tạo thành cơ quan.

b) Nội dung: GV chiếu tranh và ví dụ về cơ quan giúp HS đưa ra khái niệm về mô. Tổ chức cho HS phân tích các cơ quan.

c) Sản phẩm: HS nêu được khái niệm về cơ quan, phân tích các mô có trong các cơ quan cho trước.

1. Lá (gồm: mô biểu bì, mô dẫn, mô cơ bản, mô mềm, mô giậu), dạ dày (gồm: mô cơ, mô liên kết, mô thần kinh, mô biểu bì).

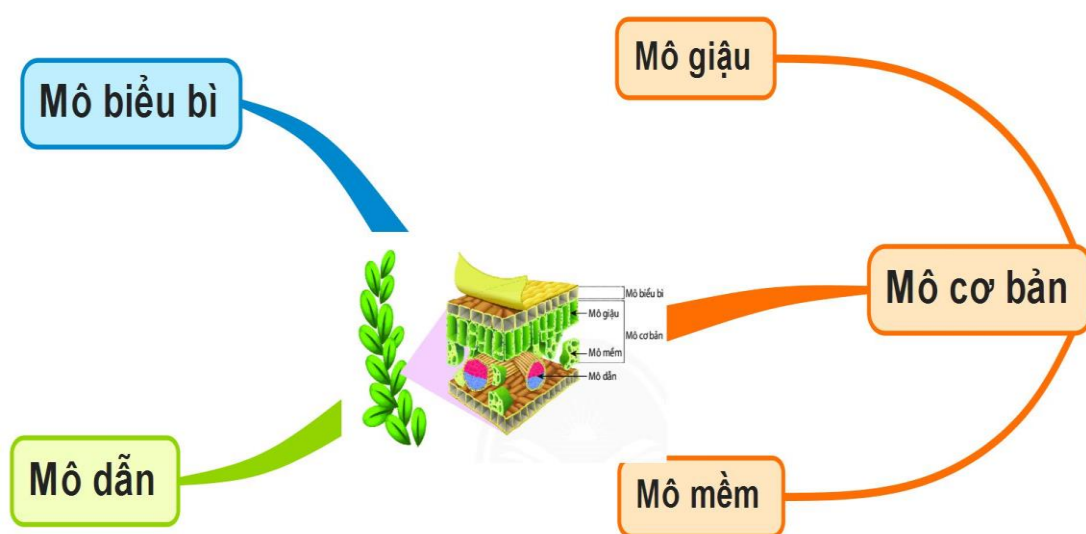
2. Cơ quan là tập hợp nhiều mô cùng thực hiện 1 chức năng nhất định.

VD: thực vật (hoa, quả, hạt, rễ, thân, lá), động vật (tim, phổi, ruột, dạ dày,..)

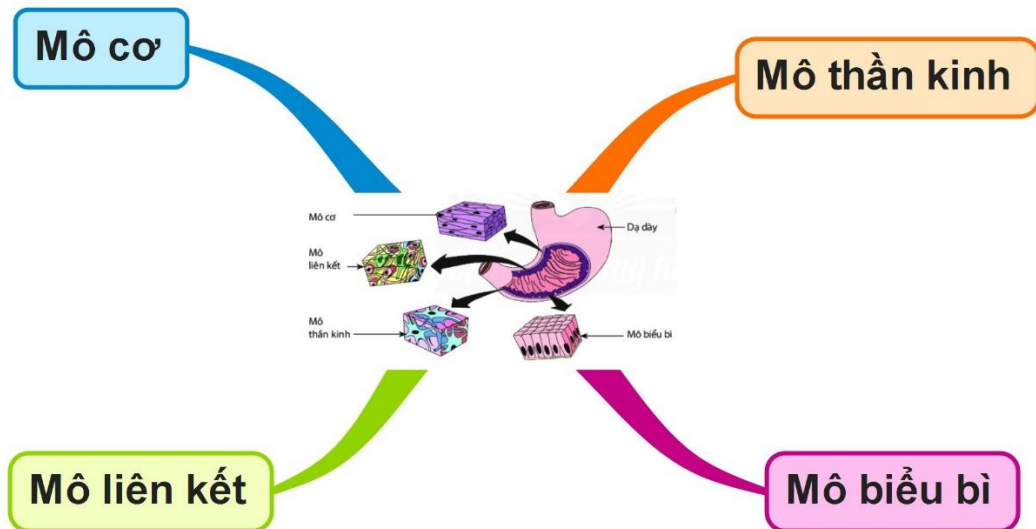
3.

Mô	Cơ quan
Biểu bì, liên kết, cơ, phân sinh, thần kinh	Rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt, tim, dạ dày

4. BĐTD khái quát các mô tạo thành cơ quan ở TV và ĐV



Sơ đồ: các loại mô tạo nên lá cây



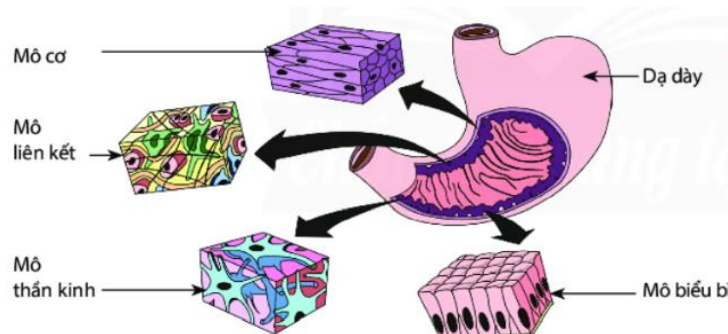
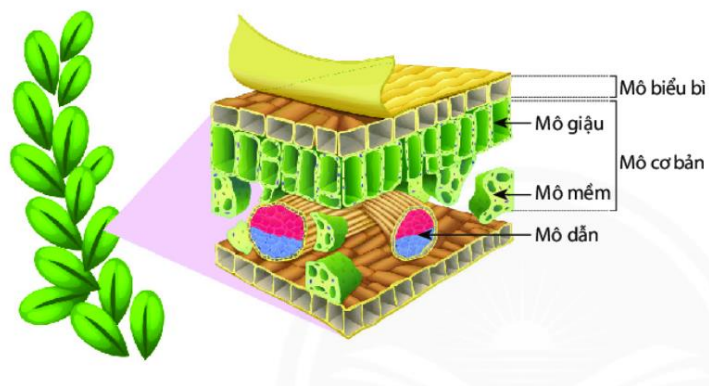
Sơ đồ: các loại mô tạo nên dạ dày

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu hình về cơ quan lá (ở thực vật), dạ dày (ở động vật). Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi sau:

1. Kể tên các mô tương ứng có trong các cơ quan lá, dạ dày.
2. Nêu khái niệm về cơ quan. Lấy ví dụ.



3. Sử dụng các từ gợi ý (biểu bì, rễ, thân, thân kinh, tim, dạ dày, liên kết, lá, hoa, quả, hạt, cơ, phân sinh) để tham gia trò chơi tiếp sức:

Lớp chia thành 4 đội. Mỗi đội nhận được 1 bộ từ gợi ý. Các thành viên trong đội chơi tiếp sức để gắn các từ gợi ý vào cột tương ứng (cơ quan hoặc mô). Đội nhanh và chính xác nhất là đội chiến thắng.

- HS nhận nhiệm vụ học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Mỗi HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời đại diện HS trình bày sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.

- Học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.

- Giáo viên đánh giá hoạt động học tập của học sinh

4. Sau khi có được kiến thức tổng hợp về cơ quan, gv yêu cầu học sinh vẽ BĐTD.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về cấp tổ chức từ cơ quan đến cơ thể.

a) Mục tiêu:

- HS nêu được mối quan hệ giữa cơ quan – hệ cơ quan – cơ thể.

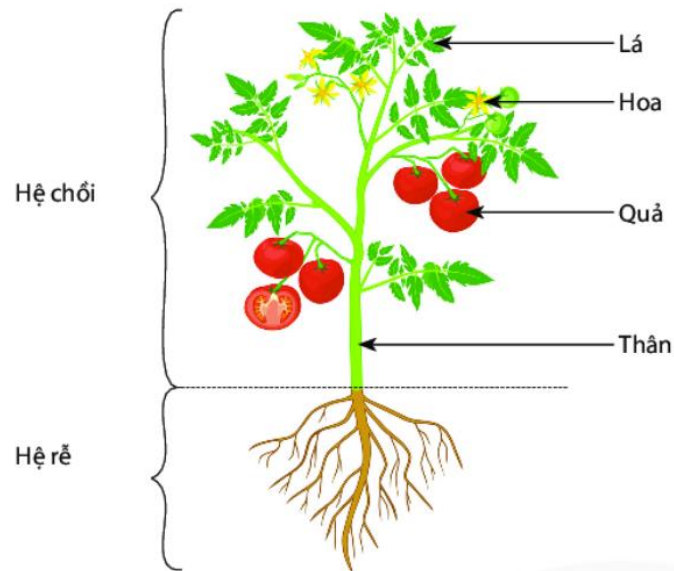
- HS trình bày được khái niệm về hệ cơ quan, cơ thể.

b) Nội dung: GV hướng dẫn HS phân tích tranh, mô hình để đưa ra mối quan hệ giữa cơ quan – hệ cơ quan – cơ thể. Từ đó đưa ra khái niệm về hệ cơ quan, cơ thể.

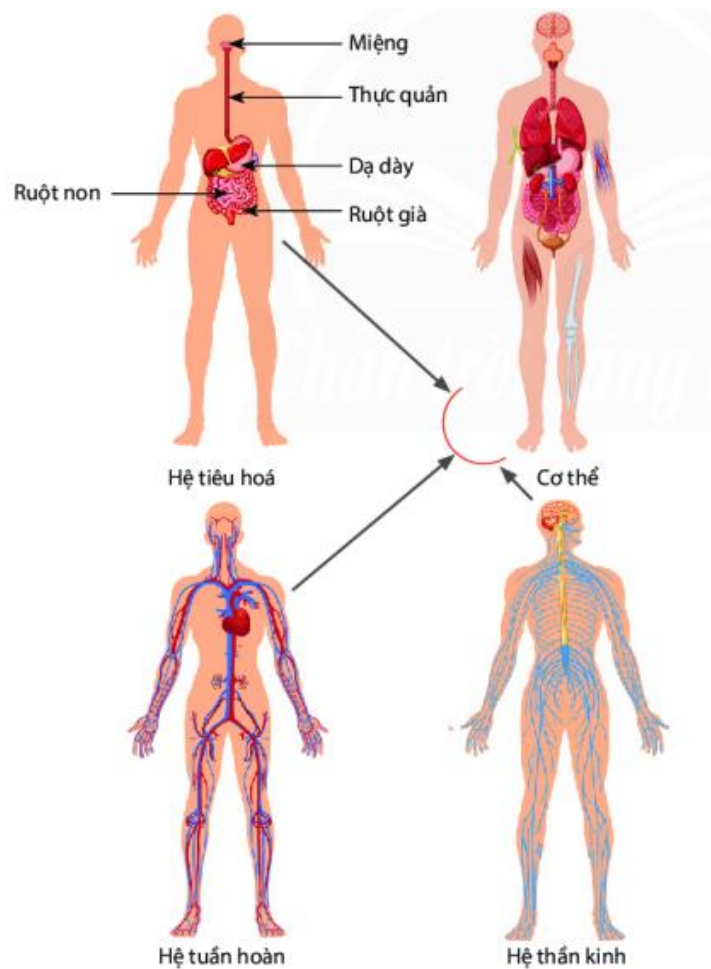
c) Sản phẩm:

- Nêu được mối quan hệ giữa cơ quan – hệ cơ quan – cơ thể, khái niệm hệ cơ quan và cơ thể.

- Từ đó vẽ được BĐTD khái quát cơ thể được cấu tạo từ hệ cơ quan (gồm nhiều cơ quan).



▲ Hình 26.4. Mối quan hệ giữa cơ quan – cơ thể thực vật

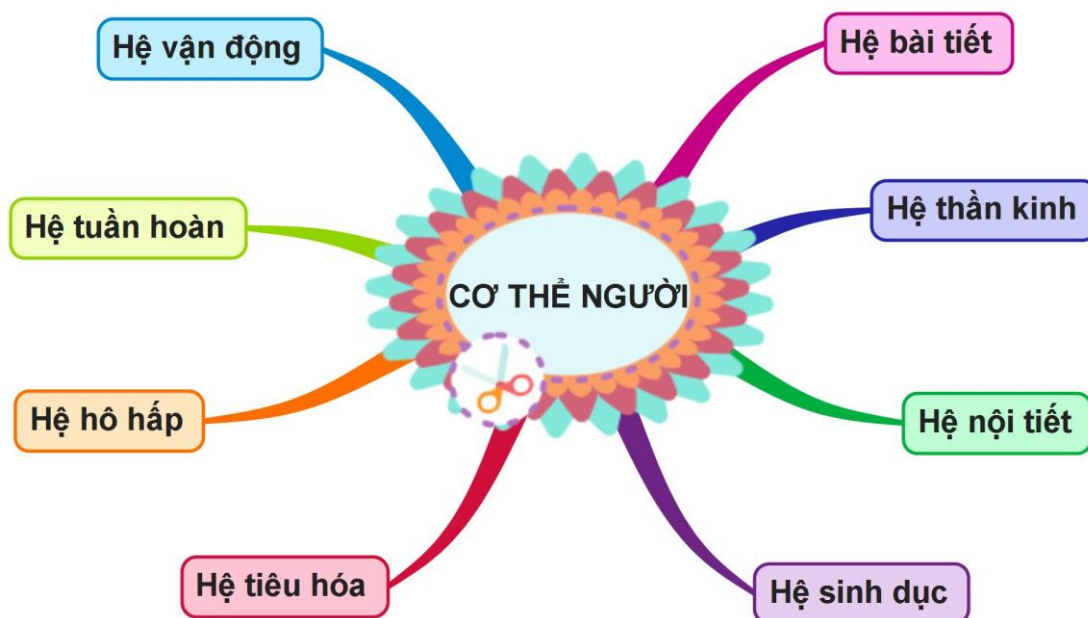


- Hệ cơ quan là tập hợp một số cơ quan cùng hoạt động để thực hiện 1 số chức năng nhất định.

- Cơ thể là tập hợp các cơ quan, hệ cơ quan hoạt động thống nhất, nhịp nhàng để thực hiện chức năng sống.



Sơ đồ: Các cơ quan tiêu hóa tạo nên hệ tiêu hóa ở người



Sơ đồ: Các hệ cơ quan tiêu hóa tạo nên cơ thể

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm (mỗi nhóm 4 - 6 HS). Giao cho nhóm 1 - 2 mô hình về thực vật, nhóm 3 - 4 mô hình về động vật. Yêu cầu HS dán tên cơ quan tương ứng lên mô hình.

=> GV gọi tên các hệ chồi, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp,...

=> Yêu cầu HS nêu khái niệm về hệ cơ quan – cơ thể.

- HS nhận nhiệm vụ học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm và xác định các cơ quan.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời đại diện HS trình bày sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.

- Học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.

- Giáo viên đánh giá hoạt động học tập của học sinh

3. Hoạt động 3: Luyện tập

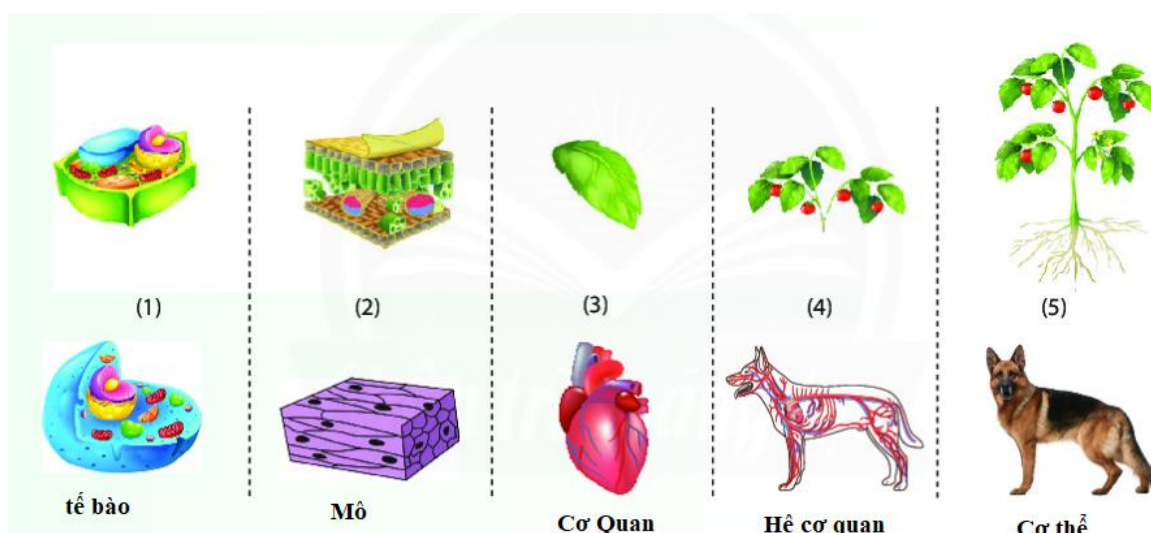
a) Mục tiêu:

- HS xác định và gọi tên được các cấp tổ chức sống của cơ thể đa bào.

b) Nội dung: HS xác định được các cấp tổ chức sống của cơ thể đa bào trên hình.

c) Sản phẩm: HS quan sát hình và gọi tên các cấp tổ chức sống của cơ thể đa bào.

Sau khi thảo luận, HS sắp xếp các cấp tổ chức và gọi tên theo thứ tự tăng dần như sau:



d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm (mỗi nhóm 4 - 6 HS), phát tranh cho các nhóm:

- + Nhóm 1 - 2: các tranh về các cấp tổ chức của cơ thể thực vật
- + Nhóm 3 - 4: các tranh về các cấp tổ chức của cơ thể động vật.

Yêu cầu các nhóm thảo luận và gọi tên dán tên cơ quan tương ứng lên hình, sắp xếp theo cấp độ tăng dần.

- HS nhận nhiệm vụ học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm và xác định các cơ quan.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.
- Học sinh đánh giá, nhận xét câu trả lời của bạn.
- Giáo viên đánh giá hoạt động học tập của học sinh

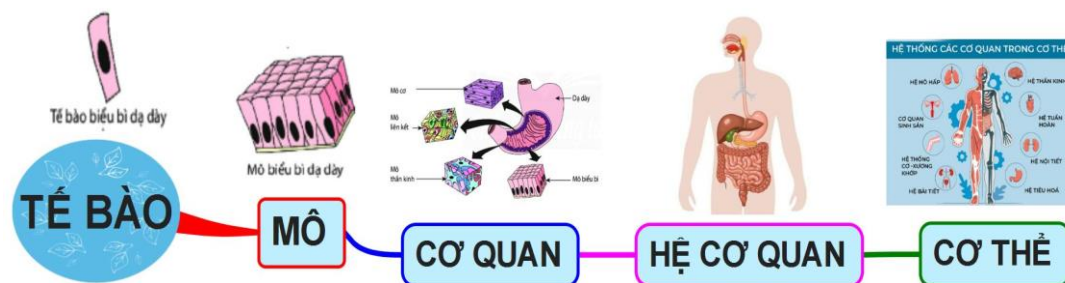
4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- HS xác định được các cấp tổ chức của cơ thể đa bào trong thực tế.

b) **Nội dung:** HS vẽ tranh hoặc sưu tầm mẫu vẽ và lập sơ đồ về các cấp tổ chức của cơ thể đa bào bất kì.

c) **Sản phẩm:** Sơ đồ về các cấp tổ chức của cơ thể đa bào bất kì.



d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu, vẽ tranh hoặc sưu tầm mẫu vật và lập sơ đồ về các cấp tổ chức của cơ thể đa bào bất kì.

- HS nhận nhiệm vụ học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Mỗi HS tìm hiểu, lập sơ đồ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên nhận bài vào tiết học 2.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên đánh giá, nhận xét hoạt động học tập của học sinh

4. KẾT LUẬN

4.1. Kết quả đạt được

Qua những tiết dạy có sử dụng BĐTD kết hợp học tập nhóm, không khí học tập trở nên sôi nổi hơn, hào hứng hơn, đặc biệt là các tiết ôn tập chương, ôn tập học kì. BĐTD là một công cụ có tính khả thi cao vì có thể vận dụng được với bất kì điều kiện cơ sở vật chất nào của các nhà trường hiện nay. Có thể thiết kế BĐTD trên giấy, bìa, bảng phụ,... bằng cách sử dụng bút chì màu, phấn, tẩy,... hoặc cũng có thể thiết kế trên phần mềm bản đồ tư duy (GV thường sử dụng phần mềm iMindMap). Với những trường có điều kiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tốt có thể cài vào máy tính phòng tin học phần mềm iMindmap cho giáo viên và học sinh sử dụng.

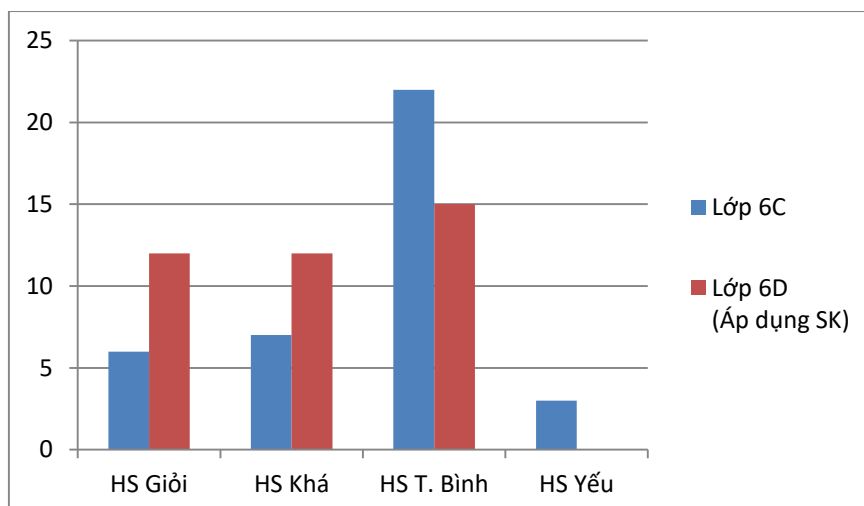
Đối với bản thân tôi, việc sử dụng BĐTD kết hợp hoạt động nhóm đã mang lại hiệu quả chất lượng giảng dạy bộ môn ở học kì I năm học vừa qua cao hơn so với những năm học trước, cụ thể như sau:

Số liệu thống kê:

Lớp	Sĩ số	Giỏi		Khá		Tb		Yếu	
6C	38	6	15,8%	7	18,4%	22	57,9%	3	7,9%
6D	39	12	30,8%	12	30,8%	15	38,4%	0	0

Ghi chú : Lớp 6C không áp dụng sáng kiến và lớp 6D được áp dụng phương pháp trong sáng kiến này.

Kết quả được phản ánh ở bảng số liệu sau:



4.2. Bài học kinh nghiệm

Qua việc giảng dạy áp dụng BĐTD, tôi nhận thấy BĐTD giúp học sinh tổng hợp và tóm tắt kiến thức một cách dễ dàng, sinh động, giúp hiểu rõ mối quan hệ giữa các khái niệm và chủ đề. BĐTD sử dụng nguyên tắc ghi nhớ theo mạng lưới, giúp ghi nhớ thông tin một cách lâu dài và hiệu quả hơn.

Trong giảng dạy, việc sử dụng BĐTD huy động tối đa tiềm năng của bộ não, giúp học sinh học tập tích cực, hỗ trợ hiệu quả các phương pháp dạy học.

Đối với học sinh, vận dụng BĐTD giúp học sinh có thói quen tự tay ghi chép hay tổng kết một vấn đề, một chủ đề đã đọc – đã học, theo cách hiểu của học sinh dưới dạng sơ đồ. Bên cạnh đó, học sinh thường xuyên tự lập BĐTD sẽ phát triển khả năng thẩm mỹ do việc thiết kế nó phải bố cục màu sắc, các đường nét, các nhánh sao cho đẹp, sắp xếp các ý tưởng khoa học, súc tích...

4.3. Thời gian thực hiện và phạm vi áp dụng

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2023-2024 đến nay.

Phạm vi áp dụng: Học sinh khối 6 trên địa bàn huyện và một số trường trên địa bàn tỉnh.

4.4. Kết luận

Sử dụng BĐTD sẽ dễ dàng hơn trong việc phát triển ý tưởng, tìm tòi xây dựng kiến thức mới. Nhờ sự liên kết các nét vẽ cùng với màu sắc thích hợp và cách diễn đạt riêng của mỗi người, BĐTD giúp bộ não liên tưởng, liên kết các kiến thức đã học trong sách vở, đã biết trong cuộc sống... để phát triển, mở rộng ý tưởng. Sau khi HS tự thiết lập BĐTD kết hợp việc thảo luận nhóm dưới sự gợi ý, dẫn dắt của GV dẫn đến kiến thức của bài học một cách nhẹ nhàng, tự nhiên.

Qua thực tiễn sử dụng BĐTD trong dạy học cho thấy tất cả HS tham gia xây dựng bài một cách chủ động, tích cực và hào hứng. Với sản phẩm độc đáo “kiến thức + hội họa” là niềm vui sáng tạo hàng ngày của HS và cũng là niềm vui của chính thầy cô giáo và phụ huynh HS khi chứng kiến thành quả lao động của học trò của mình. Cách học này còn phát triển được năng lực riêng của từng học sinh không chỉ về trí tuệ (vẽ, viết gì trên BĐTD), hệ thống hóa kiến thức (huy động những điều đã học trước đó để chọn

lọc các ý để ghi), khả năng hội họa (hình thức trình bày, kết hợp hình vẽ, chữ viết, màu sắc), sự vận dụng kiến thức được học qua sách vở vào cuộc sống.

+ Bản đồ tư duy mang lại hiệu quả tốt cho quá trình Dạy – Học:

- GV: Tiết kiệm thời gian, tăng tính linh hoạt

- HS: Học phương pháp học, tăng tính chủ động sáng tạo, phát triển tư duy

+ Phần mềm mindmap hỗ trợ công việc dễ dàng nhanh chóng, dễ chỉnh sửa. Giúp GV ứng dụng CNTT một cách có hiệu quả và thiết thực trong quá trình Dạy - Học.

Để tăng hiệu quả hơn, giáo viên cần vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy và học.

Ở đây trên cơ sở bước đầu vận dụng thực tế trong quá trình giảng dạy môn KHTN 6 – Phần sinh học, tôi nêu ra những ý kiến có tính chất đề xuất để quý thầy, cô giáo tham khảo, thảo luận để phân nào đi đến thống nhất việc sử dụng phương pháp dạy học bằng bản đồ tư duy trong môn Sinh học.

Sáng kiến sẽ không tránh khỏi những thiếu sót mong được sự tham gia góp ý của các đồng chí đồng nghiệp để sáng kiến đạt kết quả cao hơn. Áp dụng tốt hơn vào việc giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

An Hải, ngày 4 tháng 3 năm 2024

Tôi xin cam đoan SK bản thân thực hiện, không sao chép nguyên văn nội dung của người khác, nếu vi phạm chịu xử lý theo quy định./.

Bùi Minh Vĩnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách Khoa học tự nhiên 6 – Cao Cự Giác - NXB Giáo Dục Việt Nam.
2. Phần mềm **iMindMap 10**
3. Sáng kiến “Phương pháp giải bài tập Đột biến nhiễm sắc thể, sinh học 9” của bản thân năm học 2023-2024.
4. Một số Website tham khảo:
 - <http://www.quangvanhai.net/>
 - <https://sinhhoc247.com/>
 - <http://duhocykhoa.edu.vn/>